

Số: 02/QĐ-COL

Quận 3, ngày 05 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai đánh giá
thực hiện dự toán ngân sách quý II năm 2024
của trường THCS Colette

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban Nhân dân Quận 3 về giao chỉ tiêu dự toán thu-chi ngân sách Nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của trường THCS Colette

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách quý II năm 2024 của trường THCS Colette (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Tài chính Kế hoạch và đơn vị liên quan trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cơ quan tài chính cùng cấp;
- Đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, ...



Lưu Thị Hà Phương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị: TRƯỜNG THCS CHUYÊN COLETTE

MÃ CHƯƠNG 622 - MÃ LOẠI 070 - MÃ NGÀNH KT 073

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THCS Colette công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý II năm 2024 như

ĐV Tính : ngàn đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện quý II	Ước thực hiện /Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện (quý II năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	25.718.000	5.632.542	22%	0%
II	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	25.718.000	5.632.542	22%	0%
1	Chi thường xuyên phục vụ nhiệm vụ được giao	25.718.000	5.632.542	22%	0%
	a) Chi thanh toán cho cá nhân	20.980.000	5.625.342	27%	0%
	- Mục 6000 : Tiền lương	7.400.000	1.711.818	23%	118%
	* Tiểu mục 6001 : Lương biên chế	7.000.000	1.711.818	24%	123%
	* Tiểu mục 6003 : Lương hợp đồng				0%
	* Tiểu mục 6051 : Lương khác	400.000		0%	
	- Mục 6100 : Phụ cấp lương	3.885.000	839.690	22%	120%
	* Tiểu mục 6101 : Phụ cấp chức vụ	70.000	21.600	31%	134%
	* Tiểu mục 6105 : Phụ cấp thêm giờ	500.000			
	* Tiểu mục 6107 : Phụ cấp độc hại	4.000	1.080	27%	121%
	* Tiểu mục 6112 : Phụ cấp ưu đãi nghề	2.000.000	501.180	25%	120%
	* Tiểu mục 6113 : Phụ cấp trách nhiệm	11.000	2.700	25%	151%
	* Tiểu mục 6115 : Phụ cấp VK, PCTNNG	1.300.000	313.130	24%	119%
	- Mục 6200 : Tiền thưởng	0	0		
	* Tiểu mục 6201 : Thưởng thường xuyên				
	- Mục 6300 : Các khoản đóng góp	2.045.000	480.938	24%	118%
	* Tiểu mục 6301 : 18% BHXH	1.500.000	347.913	23%	118%
	* Tiểu mục 6302 : 3% BHYT	250.000	61.396	25%	118%
	* Tiểu mục 6303 : 2% Kinh phí CD	185.000	40.931	22%	118%
	* Tiểu mục 6304 : 1% BHTN	70.000	20.465	29%	118%
	* Tiểu mục 6349 : 0,5% BHTNLĐ	40.000	10.233	26%	118%
	- Mục 6400 : Các khoản thanh toán cá nhân	7.650.000	2.592.896		105%

	* Tiểu mục 6404 : Chi CNTT				
	* Tiểu mục 6449 : Phụ cấp khác, NQ 03, tết TP	7.650.000	2.592.896	34%	105%
	b) Chi về hàng hóa, dịch vụ	949.000	7.200	1%	114%
	- Mục 6500 : Thanh toán dịch vụ công cộng	100.000	0	0%	
	* Tiểu mục 6501 : Thanh toán tiền điện	100.000		0%	
	- Mục 6550 : Vật tư văn phòng	109.000	0	0%	
	* Tiểu mục 6551 : Văn phòng phẩm	109.000		0%	
	- Mục 6600 : Tuyên truyền liên lạc	22.000	0	0%	
	* Tiểu mục 6601 : Cước điện thoại	22.000		0%	
	- Mục 6700 : Công tác phí	29.000	7.200	25%	114%
	* Tiểu mục 6704 : Khoản công tác phí	29.000	7.200	25%	114%
	- Mục 6750 : Chi phí thuê mướn	347.000			
	- Mục 6900 : Sửa chữa duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn	100.000	0	0%	
	* Tiểu mục 6905 : Trang thiết bị kỹ thuật	100.000	0	0%	
	- Mục 7000 : Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	242.000	0	0%	
	* Tiểu mục 7001 : Chi mua hàng hóa vật tư	100.000	0	0%	
	* Tiểu mục 7004 : Đồng phục, trang phục	12.000			
	* Tiểu mục 7099 : Chi khác	130.000			
	c) Các khoản chi khác	3.789.000	0	0%	
	- Mục 7750 : Chi khác	3.789.000	0	0%	
	* Tiểu mục 7756 : Chi các khoản phí, lệ phí		0		
	* Tiểu mục 7766 : Chi cấp HP CSGD	3.789.000	0	0%	
	* Tiểu mục 7799 : Chi các khoản khác	0	0		
	- Mục 7950: Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ qui định	0			
	* Tiểu mục 7951 : Chi lập quỹ bổ sung thu nhập	0			
	* Tiểu mục 7954: Chi lập quỹ phát triển HĐ sự nghiệp	0			
	d) Chi đầu tư vào tài sản	0	0		
	- Mục 9050 : Mua sắm tài sản chuyên môn	0	0		
	* Tiểu mục 9055 : Trang thiết bị kỹ thuật	0	0		
2	Chi không thường xuyên phục vụ nhiệm vụ được giao	0	0		

Quận 3, ngày 05 tháng 7 năm 2024

KẾ TOÁN

phhac

Huỳnh Hữu Phúc Hải



HIỆU TRƯỞNG

Lưu Thị Hà Phương

